

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-12-2020

V/v tranh chấp: “Chia tài sản
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Minh Trí

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1047/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Thanh Ng**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyện T, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Chị **Phan Thị Hoàng Anh**, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền ngày 19/3/2019).

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh ĐN.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn P, huyện N, tỉnh ĐN.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Ngô Thị Ch**, sinh năm 1941

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn P, huyện N, tỉnh ĐN.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh Ng có người đại diện theo ủy quyền chị Phan Thị Hoàng A trình bày:*

Vào ngày 07/3/2017 chị Ng và anh Th thuận tình ly hôn theo quyết định số 51/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện N. Tại quyết định này chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung; còn tài sản chung và nợ chung thì chưa giải quyết. Lý do trong quyết định nêu trên ghi tài sản chung và nợ chung không có, vì năm 2015 khi chị Ng và anh Th sống ly thân thì con gái đang đi học dở nên chị Ng để con cho anh Th nuôi, khi ly hôn chị Ng muốn nuôi con thì anh Th tạo áp lực nên chị Ng phải khai không có tài sản thì anh Th mới đồng ý giao con cho chị Ng nuôi dưỡng.

Thực tế tài sản chung mà vợ chồng chị Ng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm:

Nhà, các công trình gắn liền với nhà và diện tích đất tọa lạc tại thửa 280 tờ bản đồ 62 xã P (nay là thị trấn P), huyện N. Nguồn gốc đất là của mẹ chồng cho chung vợ chồng nhưng để anh Th đứng tên. Sau khi làm thủ tục chuyển quyền sang tên anh Th xong thì vợ chồng chị Ng xây nhà trên đất. Nay chị Ng yêu cầu chia đôi nhà và đất (chia cho chị Ng $\frac{1}{2}$, chia cho anh Th $\frac{1}{2}$), yêu cầu anh Th thanh toán giá trị bằng tiền cho chị Ng, đồng ý giao nhà và đất cho anh Th. Chị Ng đồng ý lấy giá theo chứng thư thẩm định giá số 1321/CT-THM ngày 26/12/2019 để chia, không yêu cầu thẩm định giá lại.

Các tài sản gồm: Bộ bàn ghế salon, Tủ lạnh sharp, ti vi Panasonic, tủ ti vi, máy giặt panasonic, máy lạnh sharp là do chị Ng đi làm và chơi hụi lấy tiền mua. Trước đây chị Ng cho rằng đây là tài sản riêng của chị, tuy nhiên nay chị Ng đồng ý chia cho anh Th, nhưng chia theo tỷ lệ 6/4 (chị Ng 6 phần, anh Th 4 phần). Chị Ng xin sở hữu tài sản và có trách nhiệm thanh toán giá trị cho anh Th.

Đối với nợ vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở LT 100 triệu vào năm 2015 là nợ chung của vợ chồng, hiện nay anh Th đã trả xong cả nợ gốc và nợ lãi cho Quỹ tín dụng nên chị Ng đồng ý thanh toán lại cho anh Th $\frac{1}{2}$ (gốc và lãi là 59.500.000 đồng).

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:* Thời gian vợ chồng ly hôn như chị Ng khai là đúng.

Nguồn gốc diện tích đất tại thửa 280 tờ bản đồ 62 thị trấn P là do mẹ anh (bà Ngô Thị Ch) tặng cho riêng anh, không phải là tài sản chung nên anh không đồng ý chia cho chị Ng.

- Đối với căn nhà và các công trình gắn liền được xây dựng chủ yếu bằng tiền của anh làm ra (anh lãnh tiền bảo hiểm thất nghiệp, tiền trợ cấp thôi việc...), nhưng nên nay anh đồng ý chia cho chị Ng với tỷ lệ 7/3 (chia cho anh 07 phần, chia cho chị Ng 03 phần). Anh đồng ý theo giá thẩm định tại chứng thư thẩm định giá số 1321/CT-THM ngày 26/12/2019, đề nghị lấy giá này để chia và không cần thẩm định giá lại. Anh xin sở hữu nhà và thanh toán bằng tiền cho chị Ng.

- Các tài sản gồm: Bộ bàn ghế solon, Tủ lạnh sharp, ti vi Panasonic, tủ ti vi, máy giặt panasonic, máy lạnh sharp là do chị Ng chơi hụi lấy tiền mua. Nay chị Ng đề nghị chia lậ 6/4 (chị Ng 06 phần, anh 04 phần), anh đồng ý. Hiện nay anh đang sử dụng các tài sản này nhưng chị Ng muốn sở hữu tài sản và thanh toán giá trị cho anh, anh đồng ý.

Đối với xe honda Lead biển số 60C1-385.18, do chị Ng nói để cho con gái làm phương tiện đi học nên nay anh không tranh chấp, anh rút yêu cầu phản tố chia tài sản đối với xe honda này.

Chị Ng đồng ý trả cho anh số tiền 59.500.000 đồng mà anh đã trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở LT, anh chấp nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Ch trình bày:*

Bà là mẹ của anh Nguyễn Văn Th. Diện tích đất tọa lạc tại thửa 280 tờ bản đồ 62 xã P (nay là thị trấn P) là của bà tặng cho riêng anh Th, khi cho đất bà cũng nói với chị Ng là bà cho riêng anh Th. Nay chị Ng yêu cầu chia diện tích đất trên, bà không đồng ý.

Khi vợ chồng anh Th xây nhà thì bà có cho mượn số tiền 35.000.000 đồng, kể cả khi thiếu tiền bàn ghế 10.000.000 đồng thì bà cũng đưa tiền để anh Th đem trả nợ. Hiện nay chị Ng và anh Th chưa trả cho bà số tiền nêu trên nhưng bà không tranh chấp gì với anh Th, chị Ng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cần khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 33, 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ng về việc chia đôi căn nhà có mái che, cổng, tường rào. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia đôi giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 280 tờ bản đồ 62 xã Hiệp Phước (nay là thị trấn Hiệp Phước). Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia bộ bàn ghế, tủ lạnh Sharp, ti vi Panasonic, máy giặt Panasonic, máy lạnh Sharp, tủ ti vi và ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng đồng ý thanh toán cho anh Th khoản nợ vay của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở LT mà anh Th đã trả.

Không chấp nhận việc anh Th yêu cầu căn trừ 35.000.000đồng khi chia tài sản chung. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn Th về việc chia xe honda Lead biển số 60C1-385.18.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Hồ Thị Thanh Ng yêu cầu anh Nguyễn Văn Th chia tài sản sau khi ly hôn, anh Th phản tố yêu cầu chia tài sản và thanh toán nợ. Anh Th cư trú tại ấp 5 (nay là khu phố H), thị trấn P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Hồ Thị Thanh Ng, bị đơn là anh Nguyễn Văn Th.

Chị Ng tranh chấp diện tích đất tại thửa 280 tờ bản đồ 62 thị trấn P, anh Th khai nguồn gốc đất là của bà Ngô Thị Ch tặng cho anh. Vì vậy xác định bà Ngô Thị Ch là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Số nợ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở LT đã được anh Th trả xong nên không đưa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Thành tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Tại phiên tòa chị Ng và anh Th đều thừa nhận các tài sản gồm: Bộ bàn ghế salon trị giá 30.000.000đồng; Tủ lạnh sharp trị giá 2.000.000đồng; Ti vi Panasonic trị giá 6.000.000 đồng; Tủ ti vi trị giá 7.000.000 đồng; Máy giặt panasonic trị giá 2.000.000 đồng; Máy lạnh sharp trị giá 5.500.000đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay anh Th đang quản lý toàn bộ số tài sản này.

Chị Ng và anh Th thỏa thuận chia theo tỷ lệ 6/4 (chia cho chị Ng 6 phần, chia cho anh Th 4 phần), chia bằng hiện vật và đồng ý lấy giá theo chứng thư thẩm định để giải quyết. Tổng giá trị tài sản nêu trên là 52.500.000đồng, chia theo tỷ lệ 6/4 thì chị Ng được hưởng 31.500.000đồng, anh Th được hưởng 21.000.000 đồng. Chị Ng yêu cầu được sở hữu tài sản, thanh toán giá trị cho anh Th. Xét việc thỏa thuận giữa chị Ng, anh Th về việc chia các tài sản là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần ghi nhận.

[2.2]. Đối với căn nhà trị giá 205.875.000 đồng và các công trình đi kèm gồm: mái che trị giá 11.250.000 đồng, cổng trị giá 3.840.000đồng, tường rào trị giá 5.200.000 đồng. Chị Ng, anh Th thừa nhận đây là tài sản chung, chị Ng yêu cầu chia đôi, chị đồng ý giao nhà và các công trình cho anh Th sở hữu, anh Th thanh toán giá trị cho chị nhưng anh Th yêu cầu chia cho anh 7 phần, chỉ chia cho chị Ng 3 phần với lý do anh có công sức đóng góp nhiều hơn.

Xét thấy căn nhà, mái che, cổng, tường rào là tài sản do vợ chồng chị Ng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, tiền xây dựng là của chung vợ chồng. Việc anh Th khai anh có công sức đóng góp nhiều hơn nhưng chị Ng không thừa nhận, anh Th cũng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy cần căn cứ điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chia đôi số tài sản này cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$. Tổng giá trị nhà, mái che, tường rào, cổng theo chứng thư thẩm định giá là 226.165.000 đồng, như vậy chị Ng, anh Th mỗi người được chia tương ứng số tiền 113.082.500 đồng. Hiện nay nhà và các tài

sản đang do anh Th quản lý, sử dụng nên cần giao cho anh Th sở hữu, buộc anh Th thanh toán giá trị cho chị Ng là phù hợp pháp luật.

[2.3]. Xét yêu cầu chia diện tích đất 270,8m² thửa 280 tờ bản đồ 62 xã P (nay là thị trấn P) của chị Ng thì thấy: thửa đất này nằm tổng diện tích đất 2.937m², có nguồn gốc là của bà Ngô Thị Ch (mẹ anh Nguyễn Văn Th), bà Ch được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/12/1996. Đến ngày 18/4/2011 bà Ch lập hợp đồng tặng cho anh Th diện tích 270,8m², ngày 31/8/2011 anh Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mặc dù chị Ng và anh Th đã xây nhà ở, nhưng bà Ch xác định bà tặng cho riêng anh Th, không phải cho chung vợ chồng. Mặt khác giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chỉ cấp cho một mình anh Th, anh Th không thừa nhận anh đã nhập vào tài sản chung vợ chồng, chị Ng không có chứng cứ chứng minh diện tích đất nêu trên được bà Ch tặng cho chung. Căn cứ Điều 32 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010) thì thửa đất nêu trên là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn Th. Do vậy yêu cầu chia đôi diện tích đất tại thửa 280 tờ bản đồ 62 xã P (nay là thị trấn P) của chị Ng là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu phân tố của bị đơn: Chị Ng và anh Th đã thỏa thuận chia các tài sản gồm: Bộ bàn ghế salon; Tủ lạnh sharp trị; Ti vi Panasonic; Tủ ti vi; Máy giặt panasonic; Máy lạnh sharp là phù hợp như đã nhận định nêu trên.

Tại phiên tòa chị Ng đồng ý thanh toán cho anh Th ½ số nợ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở LT mà anh Th đã trả, tương ứng số tiền 59.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận.

Anh Th khai còn nợ bà Ch 35.000.000 đồng khi xây nhà, yêu cầu trừ số tiền này khi chia tài sản là căn nhà, lời khai này không được chị Ng thừa nhận và anh Th cũng không có chứng cứ chứng minh, vì vậy yêu cầu của anh Th không được chấp nhận.

Việc anh Th rút yêu cầu phân tố về việc chia xe honda Lead là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS để đình chỉ phần yêu cầu này.

[4]. Bà Ngô Thị Ch khai cho anh Th mượn tiền khi xây nhà, chị Ng không thừa nhận, tuy nhiên bà Ch cũng không tranh chấp với anh Th, chị Ng nên không xem xét.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị Ng phải chịu 2/3 tương ứng 15.889.098 đồng (đã nộp xong).

Anh Th phải chịu 7.944.549 đồng để trả lại cho chị Ng.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chị Ng phải chịu án phí chia tài (có giá ngạch 144.582.500đồng), án phí trả nợ cho anh Th (giá ngạch 59.500.000 đồng) và án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận (giá ngạch 1.174.977.000 đồng).

Anh Th phải chịu án phí chia tài sản (có giá ngạch 134.082.500đồng) và án phí phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận (giá ngạch 35.000.000 đồng).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 217, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 33, 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; khoản 2 Điều 248 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh Ng về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th.

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của chị Ng, anh Th về việc chia tài sản, cụ thể:

* Chia cho chị Ng sở hữu các tài sản gồm:

+ 01 bộ bàn ghế salon đóng bằng gỗ căm xe (gồm 6 món) trị giá 30.000.000 đồng.

+ 01 tủ lạnh Sharp dung tích 196 lít, trị giá 2.000.000 đồng.

+ 01 tivi Panasonic, màn hình 42inch trị giá 6.000.000 đồng.

+ 01 tủ tivi đóng bằng gỗ tràm dài 2m x cao, 3m trị giá 7.000.000 đồng.

+ 01 máy giặt Panasonic dung tích 8kg, trị giá 2.000.000 đồng.

+ 01 máy lạnh Sharp dung tích 1HP trị giá 5.500.000 đồng.

* Chị Ng có trách nhiệm thanh toán cho anh Th số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 21.000.000 đồng.

1.2. Xử: Chia cho chị Hồ Thị Thanh Ng số tiền 113.082.500 đồng (tương ứng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, mái che, cổng, tường rào), buộc anh Th thanh toán cho chị Ng số tiền trên.

1.3. Chia cho anh Th được sở hữu:

+ Nhà ở gia đình tổng diện tích 91,5m², kết cấu: móng gạch, cột gạch, tường xây gạch dày 100, ốp gạch Ceramic cao 1,6m+ sơn nước, cửa đi, cửa sổ làm bằng khung gỗ; xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn, trần tôn lạnh, nền gạch Ceramic; khu bếp: móng, cột gạch, sơn nước, xà gồ sắt hộp, mái tôn, trần tôn lạnh, bệ tắm đan đổ BTCT, ốp gạch Ceramic, thành xây gạch dày 100, phía trên ốp gạch Ceramic cao 80cm; khu vệ sinh: Tường ốp gạch Ceramic cao 1,6m, nền gạch ceramic, cửa nhôm kính, xí bệt.

+ Mái che có kết cấu: Trụ làm bằng ống sắt phi 60, khung kèo sắt hộp, mái lợp tôn, nền đổ xi măng+đá mi.

+ Tường rào: Móng xây gạch, cột gạch, tường xây gạch dày 100, cao 30cm, phía trên rào bằng khung sắt hộp cao 1,6m.

+ Cổng: Trụ cổng xây gạch dày 400 x 400, ốp gạch Ceramic, phía trong đổ bê tông; cánh cổng làm bằng sắt hộp dài 1,8m; cao 1,8m.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thanh Ng về việc chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất tại thửa 280 tờ bản đồ 62 xã P (nay là thị trấn P), huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn Th về việc “chia tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu thanh toán nợ” đối với chị Hồ Thị Thanh Ng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng đồng ý thanh toán cho anh Th số tiền 59.500.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Th về việc cản trở 35.000.000 đồng khi chia giá trị căn nhà.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Th về việc chia xe honda Lead biển số 60C1-385.18.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Ng phải chịu 15.889.098 đồng (đã nộp xong).

Anh Th phải chịu 7.944.549 đồng (trả lại cho chị Ng).

6. Về án phí: Chị Hồ Thị Thanh Ng phải chịu 53.371.785 đồng, khấu trừ vào số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị Ng còn phải nộp thêm 47.121.785 đồng.

Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 8.454.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.206.000 đồng theo biên lai thu số ngày 25/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh Th còn phải nộp thêm 6.248.125 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND TT. Hiệp Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai